HIỆN TẠI HOÀN THÀNH
PRESENT PERFECT TENSE

THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH

CÔNG THỨC

+/ S + have/ has + V(PII)
-/ S + have/ has + not + V (pII)
?/ Have/ Has + S + V(pII) +... ?
Wh-question + have/ has + S (+ not) + V (pII) +...?

CÁCH DÙNG

- Sự việc bắt đầu trong quá khứ và tiếp tục ở hiện tại
- Sự việc đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ
- Sự việc vừa mới xảy ra và hậu quả tới hiện tại

DẤU HIỆU

- Before, never, ever, yet, the first time, just, recently, lately
- for + khoảng thời gian, since + mốc thời gian

I. Chia động từ trong chỗ trống theo thì hiện tại hoàn thành

1. The train has _____(stop). We can go out now.
2. She isn't ready . She hasn't _____(pack) her cases yet.
3. She has _____ _____(take) some photos.
4. Sally hasn't _____ (arrive) yet. Where can she be?
5. I've never _____ (speak) to your mother.
6. I haven't _____ (decide) which shoes to buy yet.
7. My father has _____ (drive) to Rome.

II. Chia động từ trong chỗ trống theo thì hiện tại hoàn thành

My mum isn't at home now. She (go) _____ to the supermarket. So far this month I _____(see) three films.
I'm hungry. I (not, have)_____ my lunch yet. I_____(not, see)

LIVEWORKSHEETS

Helen yet today. Is she at school ?
Our football team (win)_____ all its matches so far this year.

I don't know your mom I (meet) _____him yet.

III. Chọn từ trong khung điền vào chỗ trống phù hợp dựa theo thì hiện tại hoàn thành.

Answer	**break**	**clean**	**empty**
leave	**lose**	**finish**	**walk**

1. Tom _____ the rubbish.
2. Claire _____ al the questions.
3. I _____ ten kilometres.
4. John _____ a new jacket.
5. Jerry _____her arm.
6. Bill and Tom _____ the kitchen.
7. The train _____ the station.
8. Jerry _____ her violin practice.

IV. Chia động từ theo thì hiện tại hoàn thành và điền since hoặc for vào vị trí phù hợp

1. I'm from France but I live in London now. I **(live)**___***have lived***_____ here _***since***___ 1992.
2. I'm a journalist. I work for a sports magazine in London. I **(work)** _____there _____ two years.
3. I'm married. My husband's name is Jonathan. We_____**(be)** married_____ 1993.
4. Tom works in a bank. He (work)_____ there _____ three years.
5. We have a flat in South London. We **(have)**_____ the flat_____ last May.

V. Điền just, already, yet vào vị trí phù hợp Complete. Use just, already or yet

1. Have you bought a new bike ___***yet*** _____ ?
2. Great! Sean has _____ broken the world record.!
3. Don't shout. He hasn't finished his homework _____.
4. Can I go to Jane's party? I've _____ asked you three times.
5. Mark can't win the race now. He has_____ fallen off his bike.

LIVEWORKSHEETS

6. Tom is very clever. He's _____ passed all his university exams.
7. I haven't sent the email to Amy _____.
8. Joe has _____ gone. If you hurry, you can catch him.

LIVEWORKSHEETS